

## Bài 166. ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (tiếp theo)

1. Viết tên, kí hiệu, quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích đã học vào chỗ chấm trong bảng sau :

Tên	Kí hiệu	Quan hệ giữa các đơn vị
Mét vuông	.....	$1\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$
.....	$\text{dm}^2$	$1\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$
.....	$\text{cm}^2$	$100\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$
.....	$\text{km}^2$	$1\text{km}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $4\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$\frac{1}{2}\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$16\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$\frac{1}{2}\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$308\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$\frac{1}{100}\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

b)  $700\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$15\text{m}^2 9\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$3400\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$7\text{dm}^2 25\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$50\,000\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

$28\text{m}^2 50\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

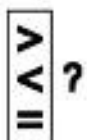
c)  $948\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$8791\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$705\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2 \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$30\,045\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 \dots\dots\dots \text{cm}^2$

3.



$3\text{m}^2 6\text{dm}^2 \dots 36\text{dm}^2$

$5\text{dm}^2 99\text{cm}^2 \dots 6\text{dm}^2$

$2\text{dm}^2 8\text{cm}^2 \dots 208\text{cm}^2$

$24\text{m}^2 \dots 240\,000\text{cm}^2$

